TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2024
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Ngọc Sử.

2. Bà Nguyễn Thị Là.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Lê Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị V** - Sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Thôn QT, xã CL, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

** Bị đơn:* Anh **Phạm Văn N** - Sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã ML, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt anh N; chị V có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn xin ly hôn; Bản tự khai; Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị V trình bày:* Chị và anh Phạm Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã ML, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày 14/01/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn N.

Chị và anh Phạm Văn N có 02 con chung là Phạm Đăng N1, sinh ngày 06/4/2016 và Phạm Anh Đ, sinh ngày 04/7/2018. Ly hôn, chị xin được nuôi con Phạm Anh Đ để anh N nuôi con Phạm Đăng N1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Ngày 08/4/2024, chị trình bày bổ sung: Hiện nay chị đang nuôi dưỡng hai con chung, con Phạm Đăng N1 trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở cùng với chị, vì vậy, chị thay đổi yêu cầu, chị xin được nuôi hai con chung Phạm Đăng N1, Phạm Anh Đ và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Chị không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Sau khi thụ lý vụ án:* Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn N nhưng do anh N thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên bố mẹ anh N nhận thay văn bản tố tụng của Toà án cho anh N, anh N đã biết việc chị V xin ly hôn nhưng anh không đến Toà án làm việc và trình bày.

* *Tại Biên bản lấy lời khai của mẹ anh Phạm Văn N - bà Nguyễn Thị Strình bày:* Bà là mẹ đẻ của anh Phạm Văn N. Bà đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản của Tòa án và bà đã thông báo nội dung văn bản của Tòa án cho anh Phạm Văn N. Anh N đã biết việc chị Nguyễn Thị V xin ly hôn anh N.

Anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế. Anh N và chị V đã sống ly thân từ năm 2018. Nay chị V đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh N thông tin với bà chuyện vợ chồng để vợ chồng tự giải quyết.

Anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị V có 02 con chung là Phạm Đăng N1, sinh ngày 06/4/2016 và Phạm Anh Đ, sinh ngày 04/7/2018. Hiện nay chị V đang nuôi dưỡng hai con chung. Anh N thông tin về gia đình, anh có nguyện vọng được nuôi con Phạm Đăng N1 để chị V nuôi con Phạm Anh Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị V không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Phạm Văn N.

- Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Đăng Nguyên, sinh ngày 06/4/2016 và Phạm Anh Đ, sinh ngày 04/7/2018. Chấp nhận việc chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hai bên có quyền và N vụ chăm sóc con chung.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí : Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng*:***

[1] Ngày 19/10/2023, chị Nguyễn Thị V khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với bị đơn - anh Phạm Văn N đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã ML, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Đông Hưng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Chị Nguyễn Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Phạm Văn N đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn N kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 14/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Hai bên sống ly thân và tự lo liệu cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau từ năm 2018. Nay chị V xin ly hôn, anh N không lên Tòa án làm việc và tham gia các phiên hòa giải thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được, vì vậy áp dụng

khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Phạm Văn N là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn N có 02 con chung là Phạm Đăng N1, sinh ngày 06/4/2016 và Phạm Anh Đ, sinh ngày 04/7/2018. Anh N có thông tin về gia đình đề nghị xin được nuôi con Phạm Đăng N1 để chị V nuôi con Phạm Anh Đ. Tuy nhiên, anh N không lên Toà án làm việc, không xuất trình chứng cứ về chỗ ở và thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con, hiện nay chị V đang chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung ổn định và cháu Phạm Đăng N1 trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung Phạm Đăng N1 và Phạm Anh Đ là phù hợp pháp luật. Do chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con vì vậy việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, anh Phạm Văn N chưa có lời khai trình bày về tài sản và hiện tại vắng mặt nên Tòa án không xem xét. Khi nào các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Phạm Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Đăng N1, sinh ngày 06/4/2016 và Phạm Anh Đ, sinh ngày 04/7/2018. Việc cấp dưỡng không đặt ra giải quyết. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị V nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0003054 ngày 24/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn N. Chị V, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND - VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Cục THADS huyện Đông Hưng;
- UBND xã ML;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Phương Thảo